

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 284/2020/HS-ST

Ngày 17 – 9 – 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hạnh
Ông Phan Đức Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường Xuân – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16, 17/9/2020 tại Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 277/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 301/2020/QĐXXST - HS ngày 03 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Hữu T**; Giới tính: Nam;
Tên gọi khác: Không;
Sinh ngày 02 tháng 10 năm 1980; Tại: Đắk Lắk;
Nơi cư trú: Đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;
Tôn giáo: Không; Trình Đ học vấn: 12/12;
Nghề nghiệp: Nhân viên bảo hiểm;

Con ông: Nguyễn Hữu M, sinh năm: 1944; Con bà: Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1949. Hiện cùng trú tại: Đường M, phường T, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ: Nguyễn Thị M, sinh năm: 1979 và có 02 con, con lớn sinh năm: 2007, con nhỏ sinh năm: 2018. Hiện đều trú tại: Đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19 tháng 3 năm 2020 đến ngày 25 tháng 3 năm 2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trần Thị H**; Giới tính: Nữ;
Tên gọi khác: Không;
Sinh ngày 28 tháng 9 năm 1996; Tại: Tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: Xóm X, xã L, huyện Y, tỉnh Phú Thọ;

Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Mường;

Tôn giáo: Không;

Trình Đ học vấn: 12/12;

Nghề nghiệp: Kinh doanh;

Con ông: Trần Công C (đã chết); Con bà: Trần Thị T, sinh năm: 1957, hiện trú tại: Xóm X, xã L, huyện Y, tỉnh Phú Thọ; Bị cáo chưa có chồng, con;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19 tháng 3 năm 2020 đến ngày 25 tháng 3 năm 2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Huỳnh Văn C**;

Giới tính: Nam;

Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 16 tháng 02 năm 1987; Tại: Đắc Lắc;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 02, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắc Lắc;

Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không;

Trình Đ học vấn: 12/12;

Nghề nghiệp: Nhân viên bất động sản;

Con ông: Huỳnh Văn N, sinh năm: 1957; Con bà: Phan Thị C, sinh năm: 1958. Hiện cùng trú tại: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắc Lắc; Bị cáo có vợ: Nguyễn Thị Nhật L sinh năm: 1992 và có 01 con sinh năm: 2018. Hiện đều trú tại: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắc Lắc;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19 tháng 3 năm 2020 đến ngày 25 tháng 3 năm 2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn Thị Hiền T1** ; Giới tính: Nữ;

Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 15 tháng 11 năm 1986; Tại: Nghệ An;

Nơi cư trú: Đường M1, Phường T1, Tp. B, Đắc Lắc;

Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không;

Trình Đ học vấn: 12/12;

Nghề nghiệp: Nhân viên bất động sản;

Con ông: Nguyễn Khắc S, sinh năm: 1956; Con bà: Trần Thị T, sinh năm: 1958. Hiện cùng trú tại Đường T, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc; Bị cáo có chồng là Phạm Văn T, sinh năm: 1980 và có 02 con, con lớn sinh năm 2012 con nhỏ sinh năm: 2014, hiện cùng trú tại: Đường M1, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19 tháng 3 năm 2020 đến ngày 25 tháng 3 năm 2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Nguyễn Thị Đ**;

Giới tính: Nữ;

Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 19 tháng 7 năm 1988; Tại: Phú Thọ;

Nơi cư trú: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắc Lắc;

Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không;

Trình Đ học vấn: 12/12;

Nghề nghiệp: Nhân viên bất động sản;

Con ông: Nguyễn Tuấn N, sinh năm: 1943; Con bà: Lê Thị M, sinh năm: 1944. Hiện cùng trú tại: Đường H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có chồng: Lê Quang D, sinh năm: 1989 (đã ly hôn); Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm: 2012, con nhỏ sinh năm: 2015. Hiện đều trú tại: Đường H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19 tháng 3 năm 2020 đến ngày 25 tháng 3 năm 2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn T. Địa chỉ: Đường A, P. T2, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H. Địa chỉ: Thôn 4, xã E, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11h00' ngày 19 tháng 3 năm 2020, Huỳnh Văn C, Trần Thị H, Nguyễn Thị Đ cùng 01 nam thanh niên tên L và 01 người phụ nữ tên D (chưa xác định được nhân thân lai lịch) rủ nhau đến quán cà phê C, tại địa chỉ Đường M, P. T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, do chị Nguyễn Thị H (sinh năm: 1979 – trú tại: Thôn 4, xã E, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk) quản lý, để đánh bạc, dưới hình thức chơi bài Cào liêng thắng thua bằng tiền. C, H, Đ, L và D đi lên trên gác lửng của quán cà phê, lấy 01 bộ bài tây 52 lá của D làm công cụ đánh bạc, rồi tất cả cùng nhau đánh bạc. Đến khoảng 11h30' cùng ngày thì Nguyễn Hữu T đến tham gia đánh bạc cùng C, Đ, H, khoảng 30' sau thì có Nguyễn Thị Hiền T1 đến tham gia đánh bạc cùng C, Đ, H và T.

Ban đầu Nguyễn Thị Đ và Trần Thị H chơi chung một tụ, những người còn lại mỗi người một tụ, đều bỏ tiền ra bàn để đánh bạc, sau đó thì Đ và H đánh riêng mỗi người một tụ. Đến khoảng 14h00' cùng ngày, thì D và L không đánh bạc nữa đi về. Đến 14h15' cùng ngày khi C, H, Đ, T1 và T đang đánh bạc, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột bắt quả tang. Tạm giữ tại sòng bạc số tiền 10.340.000 đồng (mười triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng), trong đó của T là 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm ngàn đồng), của T1 là 580.000 đồng (năm trăm tám mươi ngàn đồng), của H là 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm ngàn đồng), của Đ là 60.000 đồng (sáu mươi ngàn đồng) và 01 bộ bài tây 52 lá, là công cụ các bị cáo sử dụng để đánh bạc. Ngoài ra còn tạm giữ trên người của C là 1.720.000 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng), của T1 là 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng).

Hình thức và cách thức đánh bạc “Cào liêng” như sau:

Người chơi sử dụng 01 bộ bài tây (tứ lơ khơ) 52 quân bài, đặc điểm mỗi quân bài gồm số, kí hiệu và chất. Số và các kí hiệu quân bài được quy ước từ nhỏ đến lớn lần lượt từ 2 đến 10, J (gọi là Bồi), Q (gọi là Đầm), K (gọi là Già), A (gọi là Xi). Các quân bài 10, J, Q, K được tính 0 điểm, quân A được tính 01 điểm. Các quân bài từ số 2 đến số 9 được tính điểm tương đương với số ký hiệu hiển thị trên quân bài. Bài được phân định thắng thua từ lớn đến nhỏ lần lượt là Ba cào (Xám), Liêng, Ba

tiên, điểm từ 9 đến 0. Xám là bài có 03 quân giống nhau, Liêng là 03 quân bài số liền kề nhau (Ví dụ: A, 2, 3; 5, 6, 7...), Ba tiên là 03 quân bài có các quân J, Q, K. Tính điểm nếu 03 quân bài cộng lại được số điểm là 02 chữ số thì tính điểm từ hàng chục (Ví dụ: Các quân 10, 4, 5 có tổng số điểm là 19 thì được tính là 9 điểm). Nếu 03 quân bài cộng lại chưa tới 02 chữ số thì cộng điểm trên các quân bài. Cách chơi: Mỗi người chơi được chia 03 quân bài, để úp trên sòng bạc, đặt tiền như nhau tùy người chơi quy định (gọi là tiền đi mậu) rồi tổ cược tiền, mở bài tính điểm phân định thắng thua. Nếu người chơi bỏ không tham gia tổ ngay từ vòng tổ đầu tiên thì thua số tiền đi mậu. Nếu người chơi đang tổ mà bỏ không tiếp tục tham gia tổ thì thua số tiền đã tổ. Người chơi có bài lớn nhất thắng hết số tiền của những người tham gia đặt cược. Mỗi ván đặt tiền mậu 20.000 đồng (hai mươi ngàn đồng), mỗi lần tổ thêm từ 20.000 đồng (hai mươi ngàn đồng) đến 60.000 đồng (sáu mươi ngàn đồng), không giới hạn số lần tổ.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận:

- **Nguyễn Hữu T** khai: Vào khoảng 11h30' ngày 19 tháng 3 năm 2020 T đến quán cà phê C thì tại đây T thấy C, H, Đ, L (không rõ lai lịch) và D (không rõ lai lịch) đang đánh bạc dưới hình thức chơi bài cào liêng thắng thua bằng tiền trên gác lửng của quán cà phê nên vào tham gia đánh bạc cùng những người trên. Sau đó thì có Nguyễn Thị Hiền T1 đến tham gia đánh bạc cùng T, C, Đ, H, L và D. Khi đi T mang theo trong người số tiền 6.200.000 đồng (sáu triệu hai trăm ngàn đồng), trong quá trình đánh bạc thì T trả cho T1 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng), số tiền còn lại 5.700.000 đồng (năm triệu bảy trăm ngàn đồng) T sử dụng hết vào việc đánh bạc. Đến khoảng 14h00' cùng ngày D và L đi về không chơi nữa. Đến khoảng 14h15' cùng ngày, khi T cùng với C, Đ, H và T1 đang đánh bạc thì bị bắt quả tang, tạm giữ tại sòng bạc số tiền 10.340.000 đồng (mười triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng) trong đó có 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm ngàn đồng) của T và 01 bộ bài tây 52 lá là công cụ dùng để đánh bạc. Tính đến khi bị bắt thì T thua bạc số tiền 200.000 đồng

- **Trần Thị H** khai: Vào khoảng 11h00' ngày 19 tháng 3 năm 2020 H cùng Huỳnh Văn C, Nguyễn Thị Đ, L (không rõ lai lịch) và D (không rõ lai lịch) rủ nhau đến quán cà phê C để đánh bạc dưới hình thức chơi bài Cào Liêng thắng thua bằng tiền. Khi đi H mang theo số tiền 4.400.000 đồng (bốn triệu bốn trăm ngàn đồng) và dùng hết để đánh bạc. Đến khoảng 11h30' cùng ngày thì Nguyễn Hữu T đến tham gia đánh bạc, một lúc sau thì Nguyễn Thị Hiền T1 đến tham gia đánh bạc cùng C, Đ, H, D, L và T. Ban đầu H và Đ chơi chung một tụ, những người còn lại mỗi người một tụ, sau đó thì H và Đ đánh riêng mỗi người một tụ. Đến khoảng 14h00' cùng ngày L và D không chơi nữa, đi về. Đến khoảng 14h15' cùng ngày, khi H cùng với C, Đ, T1 và T đang đánh bạc thì bị bắt quả tang, tạm giữ tại sòng bạc số tiền 10.340.000 đồng (mười triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng) trong đó có 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm ngàn đồng) của H và 01 bộ bài tây 52 lá là công cụ dùng để đánh bạc. Tính đến khi bị bắt thì H thua bạc số tiền 200.000 đồng.

- **Huỳnh Văn C** khai: Vào khoảng 11h00' ngày 19 tháng 3 năm 2020, C cùng Trần Thị H, Nguyễn Thị Đ, L (không rõ lai lịch) và D (không rõ lai lịch) rủ nhau đến quán cà phê C để đánh bạc, dưới hình thức chơi bài Cào liêng thắng thua bằng tiền. Khi đi C mang theo số tiền 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm ngàn đồng) và

dùng hết vào việc đánh bạc. Đến khoảng 11h30' cùng ngày thì Nguyễn Hữu T đến cùng tham gia đánh bạc, một lúc sau thì Nguyễn Thị Hiền T1 đến tham gia đánh bạc cùng C, Đ, H, D, L và T. Ban đầu H và Đ chơi chung một tụ, sau đó thì Đ và H đánh riêng mỗi người một tụ. Đến khoảng 14h00' cùng ngày L và D không chơi nữa, đi về. Đến khoảng 14h15' cùng ngày, khi C cùng với H, T1, Đ và T đang đánh bạc thì bị bắt quả tang, tạm giữ tại sòng bạc số tiền 10.340.000 đồng (mười triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng) và 01 bộ bài tây 52 lá là công cụ dùng để đánh bạc. Tạm giữ trên người các con bạc số tiền 2.220.000 đồng (hai triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng) trong đó của C là 1.720.000 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng). Tính đến khi bị bắt thì C thắng bạc được số tiền 420.000 đồng

- **Nguyễn Thị Hiền T1** khai: Vào khoảng 12h00' ngày 19 tháng 3 năm 2020, T1 đến quán cà phê C để đánh bạc, dưới hình thức chơi bài Cào liêng thắng thua bằng tiền trên gác lửng của quán cà phê cùng với Trần Thị H, Nguyễn Thị Đ, L (chưa rõ lai lịch) và D (chưa rõ lai lịch), Huỳnh Văn C và Nguyễn Hữu T. Khi đi T1 mang theo trong người 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), T trả nợ 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng), T1 dùng hết 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng) để đánh bạc. Đến khoảng 14h00' cùng ngày L và D không chơi nữa, đi về. Đến khoảng 14h15' cùng ngày, khi T1 cùng với C, Đ, H và T đang đánh bạc thì bị bắt quả tang, tạm giữ tại sòng bạc số tiền 10.340.000 đồng (mười triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng) trong đó có 580.000 đồng (năm trăm tám mươi ngàn đồng) của T1 và 01 bộ bài tây 52 lá là công cụ dùng để đánh bạc. Tạm giữ trên người các con bạc số tiền 2.220.000 đồng (hai triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng) trong đó của T1 là 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng). Tính đến khi bị bắt thì T1 thắng bạc được số tiền 380.000 đồng

- **Nguyễn Thị Đ** khai: Vào lúc 11h00' ngày 19 tháng 3 năm 2020, Đ cùng với Huỳnh Văn C, Trần Thị H, L (không rõ lai lịch) và D (không rõ lai lịch) rủ nhau đến quán cà phê C để đánh bạc, dưới hình thức chơi bài Cào liêng, thắng thua bằng tiền. Khi đi Đ mang theo số tiền 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng), L trả cho Đ số tiền 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng), Đ sử dụng toàn bộ số tiền 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) để đánh bạc. Đến khoảng 11h30' cùng ngày thì Nguyễn Hữu T đến cùng tham gia đánh bạc, một lúc sau thì Nguyễn Thị Hiền T1 đến tham gia đánh bạc cùng C, Đ, H, D, L và T. Ban đầu H và Đ chơi chung một tụ, sau đó thì Đ và H đánh riêng mỗi người một tụ. Đến khoảng 14h00' cùng ngày L và D không chơi nữa, đi về. Đến khoảng 14h15' cùng ngày, khi Đ cùng với C, H, T1 và T đang đánh bạc thì bị bắt quả tang, tạm giữ tại sòng bạc số tiền 10.340.000 đồng (mười triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng) trong đó có 60.000 đồng (sáu mươi ngàn đồng) của Đ và 01 bộ bài tây 52 lá là công cụ dùng để đánh bạc. Tính đến khi bị bắt thì Đ thua bạc số tiền 540.000 đồng

- **Vật chứng thu giữ:** Số tiền 12.560.000 đồng (mười hai triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng), trong đó: Tiền trên sòng là 10.340.000 đồng; Tạm giữ trên người của các bị cáo Huỳnh Văn C 1.720.000 đồng, Nguyễn Thị Hiền T1 500.000 đồng là số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Đối với 01 bộ bài tây, loại 52 quân bài, đã qua sử dụng là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

Tại bản Cáo trạng số 288/CT-VKS.BMT ngày 25/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố các bị cáo Huỳnh Văn C, Nguyễn Thị Đ, Trần Thị H, Nguyễn Thị Hiền T1 và Nguyễn Hữu T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo Huỳnh Văn C, Nguyễn Thị Đ, Trần Thị H, Nguyễn Thị Hiền T1 và Nguyễn Hữu T khai nhận hành vi phạm tội đúng như đã khai nhận tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột. Lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, phù hợp với nội dung truy tố tại bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Huỳnh Văn C, Nguyễn Thị Đ, Trần Thị H, Nguyễn Thị Hiền T1 và Nguyễn Hữu T và giữ nguyên quyết định truy tố tại bản Cáo trạng số 288/CT-VKS.BMT ngày 25/8/2020. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Huỳnh Văn C, Nguyễn Thị Đ, Trần Thị H, Nguyễn Thị Hiền T1 và Nguyễn Hữu T phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS

+ Xử phạt bị cáo Trần Thị H từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn C từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hiền T1 từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*** Về các biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 46, 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS

Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước số tiền 12.560.000 đồng (mười hai triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng), trong đó: Tiền thu trên sòng bạc là 10.340.000 đồng; Thu giữ trên người của các bị cáo Huỳnh Văn C 1.720.000 đồng, Nguyễn Thị Hiền T1 500.000 đồng là số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Tịch thu, tiêu hủy đối với 01 bộ bài tây, loại 52 quân bài, đã qua sử dụng là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

Đối với gác lửng thuộc quán cà phê C, quá trình điều tra xác định đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Văn T (sinh năm: 1960 – trú tại: Đường A, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) cho bà Nguyễn Thị H mượn để

bán cà phê. Việc các bị cáo sử dụng gác lửng trên làm địa điểm đánh bạc, thì ông T và bà H không biết và không được hưởng lợi gì từ việc đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không đề cập xử lý đối với ông T và bà H cũng như không kê biên địa điểm nơi xảy ra đánh bạc, là phù hợp.

Đối với người đàn ông tên L và người phụ nữ tên D, là những người cùng tham gia đánh bạc với các bị cáo, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch, nên Cơ quan điều tra tách hành vi đánh bạc của hai đối tượng này ra khỏi vụ án, tiến hành xác minh làm rõ xử lý sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không xuất trình thêm chứng cứ, tài liệu gì, các bị cáo cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Huỳnh Văn C, Nguyễn Thị Đ, Trần Thị H, Nguyễn Thị Hiền T1 và Nguyễn Hữu T tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận:

Do ý thức coi thường pháp luật, hám lợi bất chính nên vào khoảng 14h15' ngày 19 tháng 3 năm 2020, tại quán cà phê C tại địa chỉ Đường M, phường T, thành phố B, các bị cáo Nguyễn Hữu T, Trần Thị H, Huỳnh Văn C, Nguyễn Thị Hiền T1, Nguyễn Thị Đ đã có hành vi cùng nhau đánh bạc dưới hình thức đánh bài Cào Liêng thắng thua bằng tiền thì bị bắt quả tang. Thu giữ tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 12.560.000 đồng (mười hai triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng).

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Hữu T, Trần Thị H, Huỳnh Văn C, Nguyễn Thị Hiền T1, Nguyễn Thị Đ phạm tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ Luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Các bị cáo Nguyễn Hữu T, Trần Thị H, Huỳnh Văn C, Nguyễn Thị Hiền T1, Nguyễn Thị Đ đều là những công dân có đầy đủ khả năng nhận thức, điều khiển được

hành vi. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi vi phạm.

Xét thấy trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia, tính chất, mức độ vi phạm của từng bị cáo là khác nhau nên cần xem xét đánh giá cụ thể để áp dụng mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giảm đơn. Tuy nhiên các bị cáo Nguyễn Hữu T và Nguyễn Thị H là những người sử dụng số tiền đánh bạc tương đương nhau và nhiều hơn các bị cáo khác trong vụ án nên mức hình phạt của bị cáo T và H sẽ ngang bằng nhau và cao hơn các bị cáo còn lại trong cùng vụ án.

Bị cáo Huỳnh Văn C sử dụng số tiền đánh bạc ít hơn bị cáo T và H nhưng nhiều hơn so với các bị cáo Nguyễn Thị Hiền T1 và Nguyễn Thị Đ nên mức hình phạt của bị cáo C sẽ cao hơn các bị cáo T1 và Đ nhưng thấp hơn so với bị cáo T và bị cáo H

Các bị cáo Nguyễn Thị Hiền T1 và Nguyễn Thị Đ tham gia đánh bạc với số tiền tương đương nhau và ít hơn các bị cáo T, H, C. Do đó cũng cần buộc các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi vi phạm của mình nhưng thấp hơn so các bị cáo T, H, C.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

+ Tình tiết tăng nặng: Không

+ Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Nguyễn Hữu T, Trần Thị H, Huỳnh Văn C, Nguyễn Thị Hiền T1, Nguyễn Thị Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Bị cáo Nguyễn Hữu T trong quá trình công tác được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác, góp phần phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, bị cáo T còn có bố là ông Nguyễn Hữu M được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến;

Bị cáo Huỳnh Văn C có bố là ông Huỳnh Văn N được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến;

Bị cáo Trần Thị H là người đồng bào dân tộc ít người.

Do đó các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Hiền T1 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, theo quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Huỳnh Văn C và Trần Thị H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, theo quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Hữu T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, theo quy định tại các điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất mức độ hành vi vi phạm của các bị cáo, HĐXX thấy rằng các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, đều có xuất thân từ thành phần nhân dân lao động, là những người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử

xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cũng đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS

Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước số tiền 12.560.000 đồng (mười hai triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng), trong đó: Tiền thu trên sòng bạc là 10.340.000 đồng; Thu giữ trên người của các bị cáo Huỳnh Văn C 1.720.000 đồng, Nguyễn Thị Hiền T1 500.000 đồng là số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Tịch thu, tiêu hủy đối với 01 bộ bài tây, loại 52 quân bài, đã qua sử dụng là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

* Đối với gác lửng thuộc quán cà phê C, quá trình điều tra xác định đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Văn T (sinh năm: 1960 – trú tại: Đường A, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) cho bà Nguyễn Thị H mượn để bán cà phê. Việc các bị cáo sử dụng gác lửng trên làm địa điểm đánh bạc, thì ông T và bà H không biết và không được hưởng lợi gì từ việc đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không đề cập xử lý đối với ông T và bà H cũng như không kê biên địa điểm nơi xảy ra đánh bạc, là phù hợp.

Đối với người đàn ông tên L và người phụ nữ tên D, là những người cùng tham gia đánh bạc với các bị cáo, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch, nên chấp nhận việc Cơ quan điều tra tách hành vi đánh bạc của hai đối tượng này ra khỏi vụ án, tiến hành xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự

* **Tuyên bố:** Các bị cáo Nguyễn Hữu T, Trần Thị H, Huỳnh Văn C, Nguyễn Thị Hiền T1, Nguyễn Thị Đ phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS

+ Xử phạt bị cáo Trần Thị H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

+ Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn C 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hiền T1 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu T cho UBND P. T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk; Giao bị cáo Trần Thị H cho UBND xã L, huyện Y, tỉnh Phú Thọ; Giao bị cáo Huỳnh Văn C cho UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Giao bị cáo Nguyễn Thị Hiền T1 cho UBND phường T1, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk; giao bị cáo Nguyễn Thị Đ cho UBND xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với các bị cáo.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự để giải quyết.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS

*** Về các biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 46, 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS

Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước số tiền 12.560.000đồng (mười hai triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng), trong đó: Tiền thu trên sòng bạc là 10.340.000 đồng; Thu giữ trên người của các bị cáo Huỳnh Văn C 1.720.000 đồng, Nguyễn Thị Hiền T1 500.000 đồng là số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Tịch thu, tiêu hủy đối với 01 bộ bài tây, loại 52 quân bài, đã qua sử dụng là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

*** Về án phí:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Nguyễn Hữu T, Trần Thị H, Huỳnh Văn C, Nguyễn Thị Hiền T1, Nguyễn Thị Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Cơ quan THA phạt tù;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- UBND P. T, Tp. B;
- UBND xã L, H. Y, tỉnh Phú Thọ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thu Trang

- UBND P. Tân T, Tp. B;
- UBND TT. P, H. K,
tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã E, H. B,
tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng TAND Tp BMT.